

**CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI
VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Tầng 4-5-6, Tòa nhà Sannam, phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Duy Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Trịnh Văn Thảo	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Phùng Quốc Ái	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Thảo	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Trần Xuân Tình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Nguyễn Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Trần Duy Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Hồ Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Phùng Quốc Ái	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc


Trịnh Văn Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2011

300
G T
H H
T T
N A
T P.

Số: 519 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 22. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		651.329.450.087
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.123.343.634
1. Tiền	111		19.123.343.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.991.202.587
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.139.076.228
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(147.873.641)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.585.363.820
1. Phải thu khách hàng	131		162.610.933.675
2. Trả trước cho người bán	132		96.244.104.586
3. Các khoản phải thu khác	135		19.730.325.559
IV. Hàng tồn kho	140	7	278.352.318.023
1. Hàng tồn kho	141		278.352.318.023
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.277.222.023
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		950.960.703
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.681.811.683
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.644.449.637
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		473.675.587.193
I. Tài sản cố định	220		401.979.089.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	280.060.137.211
- Nguyên giá	222		333.574.937.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.514.800.268)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	32.856.546.789
- Nguyên giá	225		34.610.187.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.753.640.991)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	942.785.229
- Nguyên giá	228		1.009.362.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(66.576.921)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	88.119.619.948
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.888.312.717
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	17.224.766.750
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	26.663.545.967
III. Tài sản dài hạn khác	260		27.808.185.299
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	26.698.185.299
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.110.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.125.005.037.280

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÀU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		594.971.559.982
I. Nợ ngắn hạn	310		482.461.859.965
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	154.258.307.708
2. Phải trả người bán	312		245.757.361.449
3. Người mua trả tiền trước	313		61.929.582.089
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	8.816.159.280
5. Phải trả người lao động	315		6.780.854.005
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.652.545.945
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.732.950.511)
II. Nợ dài hạn	330		112.509.700.017
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	112.509.700.017
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		530.033.477.298
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	530.033.477.298
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.033.477.298
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.125.005.037.280



Trịnh Văn Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Bùi Trọng Chính
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 20/11/2009 đến ngày 31/12/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	677.091.383.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		677.091.383.242
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	610.670.193.963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		66.421.189.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.419.641.677
7. Chi phí tài chính	22	22	1.263.635.688
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.115.762.047
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.448.271.661
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		40.128.923.607
11. Thu nhập khác	31		6.524.332.819
12. Chi phí khác	32		6.608.620.029
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	(84.287.210)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.044.636.397
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	10.011.159.099
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		30.033.477.298
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.104



Trịnh Văn Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Bùi Trọng Chinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

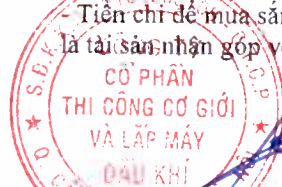
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 20/11/2009 đến ngày 31/12/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.044.636.397
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	29.228.533.267
Các khoản dự phòng	03	147.873.641
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(318.292.727)
Chi phí lãi vay	06	1.115.762.047
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.218.512.625
(Tăng) các khoản phải thu	09	(225.236.095.136)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(179.541.763.148)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	34.068.922.786
(Tăng) chi phí trả trước	12	(14.254.121.132)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.672.651.830)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.348.202.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.155.019.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(328.610.378.740)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(224.617.530.878)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	24	5.643.146.663
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19.409.972.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(238.384.356.742)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	395.000.000.000
2. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	385.631.620.753
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(169.513.541.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	611.118.079.116
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	44.123.343.634
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	44.123.343.634

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

- Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 3.723.340.043 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm 105 tỷ VND, là tài sản nhận góp vốn từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.



Trình Văn Thảo
Tổng Giám đốc

Bùi Trọng Chính
Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

300
T
H
TTE
JAN
P.Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104263109 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 vào ngày 11 tháng 10 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 463.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và kết cấu kim loại khác, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình dân dụng, sản xuất và bán vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty chính thức được thành lập ngày 20 tháng 11 năm 2009, do vậy kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Từ ngày 20/11/2009
đến ngày 31/12/2010**

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	3 - 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Từ ngày 20/11/2009
	đến ngày 31/12/2010
	Số năm
Máy móc thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giàn giáo cốp pha và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Tiền văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước là 38 tháng kể từ ngày thuê (thời hạn theo Hợp đồng thuê là 19 năm 2 tháng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010).

Giàn giáo cốp pha phục vụ cho cán bộ công nhân viên tại công trường được phân bổ theo thời gian sử dụng từ khi hoàn thành đến khi kết thúc công trình và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Tiền mặt	21.287.523
Tiền gửi ngân hàng	19.102.056.111
Các khoản tương đương tiền (i)	25.000.000.000
	<u>44.123.343.634</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm.

2506
G T
EM HỮU
TITI
NAA
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍTầng 4-5-6, Tòa nhà Sannam, phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.070.992.641
Đầu tư ngắn hạn khác	68.083.587
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(147.873.641)
	<u>2.991.202.587</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.209.453.527
Công cụ, dụng cụ	1.549.444.627
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	242.593.419.869
Cộng	<u>278.352.318.023</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>278.352.318.023</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 20/11/2009	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	305.995.455	285.920.200.004	84.581.463.739	4.583.340.443	375.390.999.641
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	34.076.011.092	-	-	34.076.011.092
- Tăng do mua mới	-	60.741.360.921	20.899.104.449	3.335.895.132	84.976.360.502
- Chuyển giao tài sản từ chi nhánh sang Công ty Cổ phần (i)	305.995.455	191.102.827.991	63.682.359.290	1.247.445.311	256.338.628.047
Thanh lý, nhượng bán	-	6.200.040.092	-	-	6.200.040.092
Giảm khác	-	20.854.890.711	14.761.131.359	-	35.616.022.070
Tại ngày 31/12/2010	<u>305.995.455</u>	<u>258.865.269.201</u>	<u>69.820.332.380</u>	<u>4.583.340.443</u>	<u>333.574.937.479</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 20/11/2009	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	61.034.574	19.817.071.675	6.918.549.098	627.750.134	27.424.405.481
Chuyển giao tài sản từ chi nhánh sang Công ty Cổ phần (i)	-	20.894.231.277	12.983.537.301	211.231.861	34.089.000.439
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	4.185.313.406	3.813.292.246	-	7.998.605.652
Tại ngày 31/12/2010	<u>61.034.574</u>	<u>36.525.989.546</u>	<u>16.088.794.153</u>	<u>838.981.995</u>	<u>53.514.800.268</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>244.960.881</u>	<u>222.339.279.655</u>	<u>53.731.538.227</u>	<u>3.744.358.448</u>	<u>280.060.137.211</u>
Tại ngày 20/11/2009	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

- (i) Tài sản nhận góp vốn từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”) theo Quyết định số 600/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị PVC về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Chi nhánh Thi công cơ giới Dầu khí, Quyết định số 665/QĐ-XLKD ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị PVC về việc góp vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí và Biên bản bàn giao số 3049/BB-XLKD-TCKT ngày 29 tháng 6 năm 2010. Theo thỏa thuận góp vốn, các cổ đông sáng lập của Công ty đã thống nhất giá trị tài sản góp vốn của PVC để thành lập Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí.

Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị có tổng nguyên giá là 9.958.913.636 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng, thế chấp máy móc thiết bị có tổng nguyên giá là 13.796.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn ngân hàng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 20/11/2009	-	-	-
Tăng trong kỳ	32.640.890.908	1.969.296.872	34.610.187.780
Tại ngày 31/12/2010	32.640.890.908	1.969.296.872	34.610.187.780
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 20/11/2009	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	1.622.354.527	131.286.464	1.753.640.991
Tại ngày 31/12/2010	1.622.354.527	131.286.464	1.753.640.991
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	31.018.536.381	1.838.010.408	32.856.546.789
Tại ngày 20/11/2009	-	-	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 20/11/2009	-
Tăng do mua mới	935.100.000
Chuyển giao tài sản từ chi nhánh sang Công ty Cổ phần (i)	74.262.150
Tại ngày 31/12/2010	1.009.362.150
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 20/11/2009	-
Chuyển giao tài sản từ chi nhánh sang Công ty Cổ phần (i)	16.090.126
Khấu hao trong năm	50.486.795
Tại ngày 31/12/2010	66.576.921
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	942.785.229
Tại ngày 20/11/2009	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍTầng 4-5-6, Tòa nhà Sannam, phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 11 năm 2009
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)**

- (i) Tài sản nhận góp vốn từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”) theo Quyết định số 600/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị PVC về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Chi nhánh Thi công cơ giới Dầu khí, Quyết định số 665/QĐ-XLKD ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị PVC về việc góp vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí và Biên bản bàn giao số 3049/BB-XLKD-TCKT ngày 29 tháng 6 năm 2010. Theo thỏa thuận góp vốn, các cổ đông sáng lập của Công ty đã thống nhất giá trị tài sản góp vốn của PVC để thành lập Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2010
	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	88.119.619.948
Trong đó (những công trình lớn):	
- Sàn công tác ngoài khơi tự nâng thủy lực được mô đun hoá loại RCP-250	85.211.595.678
- Cầu trục bánh xích	2.366.050.091
- Các công trình khác	541.974.179
	88.119.619.948

Công ty đã thế chấp công trình “Sàn công tác ngoài khơi tự nâng thủy lực được mô đun hoá loại RCP-250” với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 85.211.595.678 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-ME1	Hà Nam	100	100	Gia công cơ khí, xây dựng dân dụng

Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-ME1 có trụ sở tại đường D1, Khu C, khu công nghiệp Hoà Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, được thành lập theo Quyết định số 691/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-ME1 có vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ VND do Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí góp 100% vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Đầu tư dài hạn khác	26.663.545.967
Bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty:	
- Công ty Cổ phần Bê tông dự ứng lực PVC-FECON	15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dầu tu và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	11.663.545.967
	<u>26.663.545.967</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	1.614.791.247
Chi phí lán trại	11.775.886.681
Công cụ, dụng cụ	13.307.507.371
	<u>26.698.185.299</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Vay ngắn hạn	131.274.964.217
Nợ dài hạn đến hạn trả	22.983.343.491
	<u>154.258.307.708</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay chủ yếu như sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng vay số 01/2010/HĐTD-NH/NHTCD-PVCME ngày 30 tháng 1 năm 2010 với hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VND và Hợp đồng vay số 02/2010/HĐTD-NH/NHTCD-PVCME ngày 7 tháng 4 năm 2010 với hạn mức tín dụng 24.000.000.000 VND. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần dao động từ 12%/năm đến 16,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư khoản vay này là 30.844.081.134 VND. Công ty đã sử dụng máy móc, thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 8 và 11).
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) theo Hợp đồng vay số 2089/HTD2 ngày 27 tháng 7 năm 2010 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND. Lãi suất thả nổi dao động từ 14%/năm đến 15,3%/năm và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư khoản vay này là 25.068.086.171 VND. Công ty đã sử dụng máy móc, thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 8 và 11).

31/12
ĐNC
NHIỆT
LO
T I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.662.956.727
Các loại thuế khác	153.202.553
	<u>8.816.159.280</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Vay dài hạn (i)	89.970.173.759
Nợ thuế tài chính dài hạn (ii)	22.539.526.258
	<u>112.509.700.017</u>

(i) Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng sau:

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô, số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.948.150.000 VND. Công ty đã sử dụng máy móc, thiết bị và giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 8 và 11). Cụ thể các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng số 12010/075/TDTH ngày 6 tháng 5 năm 2010, số tiền vay là 2.099.150.000 VND để mua phương tiện vận tải. Thời hạn cho vay là 36 tháng với lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 1 tháng/lần, lãi suất kỳ đầu tiên là 15,5%/năm.
- Hợp đồng số 12010/187/TDTH ngày 9 tháng 8 năm 2010, số tiền vay là 4.728.000.000 VND để mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cho vay là 36 tháng với lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất kỳ đầu tiên là 15,5%/năm.
- Hợp đồng số 12010/386/TDTH ngày 21 tháng 9 năm 2010, số tiền vay là 2.380.000.000 VND để mua 2 xe chuyên trộn bên tông nhãn hiệu Hyundai HD270. Thời hạn cho vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất kỳ đầu tiên là 16,5%/năm.
- Hợp đồng số 12010/600/TDTH ngày 10 tháng 11 năm 2010, số tiền vay là 2.380.000.000 VND để mua 2 xe chuyên trộn bên tông nhãn hiệu Hyundai HD270. Thời hạn cho vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất của kỳ đầu tiên là 18%/năm.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 38.332.259.954 VND. Công ty đã sử dụng máy móc, thiết bị và giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 8 và 11). Cụ thể các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng số 05/10/MSBTX ngày 5 tháng 2 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 24.500.000.000 VND với thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất thả nổi, định kỳ thay đổi 1 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của tháng điều chỉnh.
- Hợp đồng số 30/10/MSBTX ngày 20 tháng 5 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 742.000 EUR hoặc quy đổi ra VND tương đương, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất thả nổi, định kỳ thay đổi 1 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của tháng điều chỉnh.

30-C
TY
HỮU HẠ
TTE
AM
P. HP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long, số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 59.574.139.800 VND. Công ty đã sử dụng máy móc, thiết bị và giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 8 và 11). Cụ thể hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng số 0038/2010/HĐTD1-OCEANBANK07 ngày 24 tháng 8 năm 2010 số tiền vay tối đa bằng VND quy đổi tương đương với 2.533.377 EUR và 137.464,25 USD với thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất trong hạn là 15%/năm. Kỳ hạn trả gốc 6 tháng/1 lần, tổng số kỳ trả nợ là 14 kỳ.

(ii) Nợ dài hạn thể hiện khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ các đơn vị sau:

Nợ thuê tài chính dài hạn với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 36.10.06/CTTC-HDKT ngày 28 tháng 4 năm 2010, thuê tài chính “Cần cẩu bánh lốp Kato 55 tấn, model NK-550VR, hãng sản xuất: Kato - Nhật Bản”. Giá trị tài sản thuê bằng VND tương đương 1.199.000 USD. Lãi suất thuê tài chính là 1,25%/tháng. Thời gian thuê là 72 tháng. Chu kỳ thanh toán 3 tháng/kỳ gốc, 1 tháng/kỳ lãi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 15.678.423.750 VND.
- Hợp đồng số 36.10.05/CTTC-HDKT ngày 26 tháng 3 năm 2010, thuê tài chính “Hai xe ô tô Toyota Fortuner-V số tự động”. Giá trị tài sản thuê là 1.469.920.000 VND. Lãi suất thuê tài chính là 1,25%/tháng. Thời gian thuê là 48 tháng. Chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 1.144.310.004 VND.

Nợ thuê tài chính dài hạn với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, gồm 3 hợp đồng như sau:

- Hợp đồng số 120/2010/TSC-CTTC ngày 14 tháng 10 năm 2010, thuê tài chính “Máy cầu thủy lực bánh xích”. Giá trị tài sản thuê là 3.320.000.000 VND. Lãi suất cho thuê bằng lãi suất Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam vay cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất cho thuê tại thời điểm ký hợp đồng là 14%/năm. Thời hạn thuê là 60 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 3.209.300.000 VND.
- Hợp đồng số 139/2010/TSC-CTTC ngày 2 tháng 11 năm 2010, thuê tài chính “Máy khoan cọc nhồi bánh xích hiệu Hitachi”. Giá trị tài sản thuê là 6.265.000.000 VND. Lãi suất cho thuê bằng lãi suất Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam vay cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất cho thuê tại thời điểm ký hợp đồng là 14%/năm. Thời hạn thuê là 48 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 6.003.960.000 VND.
- Hợp đồng số 152/2010/TSC-CTTC ngày 7 tháng 12 năm 2010, thuê tài chính “Một cần trục bánh xích, hiệu Hitachi đã qua sử dụng”. Giá trị tài sản thuê là 2.602.500.000 VND. Lãi suất cho thuê bằng lãi suất Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam vay cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất thuê tài chính là 17,2%/năm. Thời gian thuê là 48 tháng. Chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 2.602.500.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Trong vòng một năm	22.983.343.491
Trong năm thứ hai	22.983.343.491
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	88.101.045.276
Sau năm năm	1.425.311.250
	<u>135.493.043.508</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>22.983.343.491</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>112.509.700.017</u>

Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng. (xem các Thuyết minh số 8 và 11).

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 20/11/2009	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	30.033.477.298	30.033.477.298
Số dư tại ngày 31/12/2010	<u>500.000.000.000</u>	<u>30.033.477.298</u>	<u>530.033.477.298</u>

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi), vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2010	%
	VND	VND	
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	200.000.000.000	200.000.000.000	40,00
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	7.000.000.000	7.000.000.000	1,40
- Phùng Quốc Ái	800.000.000	800.000.000	0,16
- Các cổ đông khác	292.200.000.000	292.200.000.000	58,44
Tổng cộng	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
- Doanh thu bán hàng	64.957.828.760
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.021.264.588
- Doanh thu hợp đồng xây dựng:	609.112.289.894
+ <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	609.112.289.894
	<u><u>677.091.383.242</u></u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.245.956.835
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.785.265.761
Giá vốn hợp đồng xây dựng	545.638.971.367
	<u><u>610.670.193.963</u></u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.603.387.223
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	477.178.226
Lãi kinh doanh chứng khoán	339.076.228
	<u><u>4.419.641.677</u></u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Chi phí lãi vay	1.115.762.047
Chi phí dự phòng đầu tư ngắn hạn	147.873.641
	<u><u>1.263.635.688</u></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.518.332.819
Thu nhập khác	6.000.000
	<u>6.524.332.819</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	6.512.317.295
Chi phí khác	96.302.734
	<u>6.608.620.029</u>
Lợi nhuận khác	<u>(84.287.210)</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	40.044.636.397
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế	<u>40.044.636.397</u>
Thuế suất thông thường	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>10.011.159.099</u>
	<u>10.011.159.099</u>

31125
ĐĂNG
NHIỆM H
LOIT
T NA
TP

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.033.477.298
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	27.194.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.104</u>

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-ME1 theo Quyết định số 691/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí với số tiền là 2.775.233.250 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 20/11/2009
đến ngày 31/12/2010

VND

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	657.936.026
	<u>657.936.026</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

31/12/2010

VND

Trong vòng một năm	5.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.000.000.000
Sau năm năm	1.257.114.000
	<u>11.257.114.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 916,5 m² tại toà nhà Sannam, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với giá thuê 65.263 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 19 năm 2 tháng tính từ ngày 1 tháng 2 năm 2010.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Từ ngày 20/11/2009
đến ngày 31/12/2010

VND

Bán hàng

Ban điều hành Dự án Nhà máy xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng	207.421.593.926
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	79.572.041.148
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	47.585.472.665
Ban điều hành Nhà máy Sản xuất Ethanol Phía Bắc - PVC	30.408.464.651
Ban điều hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - PVC	25.778.332.139
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-MEI	18.528.211.432
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (PVC)	10.093.462.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	2.617.201.364
	<u>422.004.779.390</u>

Mua hàng

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (PVC)	16.576.663.478
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-MEI	2.172.559.363
Xí nghiệp PVIT 11 - Công ty CPĐT và Thương mại Dầu khí Nghệ An	669.167.000
	<u>19.418.389.841</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Các khoản phải thu	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	66.395.838.926
Ban điều hành Dự án Nhà máy xơ sợi Hải Phòng	43.840.463.108
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí PVC-ME1	18.819.538.474
Ban điều hành Nhà máy Sản xuất Ethanol Phía Bắc - PVC	10.054.869.315
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6.137.729.000
Ban điều hành Hà Nội - PVC	2.926.778.910
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	1.063.957.019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	431.838.225
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	261.451.365
Các khoản ứng trước	
Ban điều hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - PVC	33.490.544.888
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	16.708.745.553
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	11.730.291.648
Các khoản phải trả	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	94.560.422.337
Xí nghiệp PVIT 11 - Công ty CPĐT và Thương mại Dầu khí Nghệ An	313.843.364

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 20/11/2009</u>
	<u>đến ngày 31/12/2010</u>
	VND
Lương	2.164.386.036
Tiền thưởng	666.301.811
	<u>2.830.687.847</u>


29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Do Công ty chính thức được thành lập ngày 20 tháng 11 năm 2009, do đó không có số liệu so sánh trên báo cáo tài chính.


Trịnh Văn Thảo
Tổng Giám đốc


Bùi Trọng Chinh
Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 3 năm 2011